

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Niên khóa	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 4		
1	2203360040	Nguyễn Trần Ngọc	Ánh	28/12/2001	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD14D1	Điều dưỡng	2021-2023	2.69	Khá	
2	2193240217	Bùi Chí	Bảo	10/03/2001	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DD12A1	Điều dưỡng	2019-2021	2.38	Trung bình	
3	2213360332	Cao Thị	Dung	05/09/1996	Nữ	Hà Tĩnh	02DD14D1	Điều dưỡng	2021-2023	2.99	Khá	
4	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	Nữ	Bình Phước	02DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.37	Trung bình	
5	1213360146	Nguyễn Ánh Ngọc	Hân	07/08/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.58	Khá	
6	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.49	Trung bình	
7	2213360059	Phạm Thị	Huệ	24/04/2003	Nữ	Nghệ An	02DD14D1	Điều dưỡng	2021-2023	3.27	Giỏi	
8	2213240184	Nguyễn Quốc	Hung	30/01/2002	Nam	Kiên Giang	02DD14B1	Điều dưỡng	2021-2023	2.95	Khá	
9	2213360258	Phạm Nguyễn Gia	Hung	28/8/2005	Nam	Bến Tre	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.47	Trung bình	
10	1213360087	Nguyễn Lê Quỳnh	Huong	26/06/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.73	Khá	
11	2193360010	Nguyễn Minh	Kha	27/04/1999	Nam	Trà Vinh	02DD12C1	Điều dưỡng	2019-2022	2.03	Trung bình	
12	2213360156	Mai Ngọc Thục	Khuê	25/02/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	3.50	Giỏi	
13	1213360018	Trần Ngọc Hà	Linh	08/11/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.29	Trung bình	
14	2203360123	Lê Ngô Thảo	Ly	14/01/2004	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.27	Trung bình	
15	2193240290	Võ Thụy Xuân	Mai	26/03/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD12A1	Điều dưỡng	2019-2021	2.01	Trung bình	
16	1213240039	Mai Thị	Mai	16/05/2003	Nữ	Long An	01DD14A1	Điều dưỡng	2021-2023	2.11	Trung bình	
17	2213360135	Trương Thị Ngọc	Mai	30/11/2006	Nữ	Thanh Hóa	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.00	Trung bình	
18	1213360102	Nguyễn Thụy Trà	My	16/08/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.24	Trung bình	
19	2203360081	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	14/10/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.63	Khá	
20	1213360030	Dương Yến	Nhi	14/10/2006	Nữ	An Giang	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.67	Trung bình	
21	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.08	Trung bình	
22	1213360024	Trần Quỳnh	Như	24/04/2002	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.36	Trung bình	
23	2213240204	Văn Thị Cẩm	Nhung	10/03/1993	Nữ	Bình Định	02DD14D1	Điều dưỡng	2021-2023	2.90	Khá	
24	2213360070	Hà Đặng An	Phúc	07/11/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	3.02	Khá	
25	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.12	Trung bình	
26	2213240110	Trần Thị Diễm	Quỳnh	03/10/2002	Nữ	Đắk Lắk	02DD14B1	Điều dưỡng	2021-2023	2.91	Khá	
27	2213360060	Trịnh Thanh	Thanh	12/10/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.55	Khá	
28	1213360153	Võ Trí	Thức	06/09/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.04	Trung bình	
29	1213360106	Phan Nguyễn Nhã	Thy	30/04/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.74	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Niên khóa	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 4		
30	1213360111	Trần Nguyễn Mai	Trâm	27/04/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.40	Trung bình	
31	1213360048	Đỗ Thị Bích	Trâm	29/09/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.59	Khá	
32	2203360124	Lê Thị Phương	Trúc	29/12/2005	Nữ	Vĩnh Long	02DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.26	Trung bình	
33	1213360084	Trương Nguyễn Ngọc Tuyền		04/06/2006	Nữ	Đồng Nai	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.02	Trung bình	
34	1213360023	Phạm Nguyễn Văn	Tuyền	19/11/2002	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.49	Trung bình	
35	2213240194	Trần Thị Lam	Tuyền	10/05/2003	Nữ	Long An	02DD14A1	Điều dưỡng	2021-2023	2.41	Trung bình	
36	2213360234	Ngô Thanh	Vân	01/02/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DD14C1	Điều dưỡng	2021-2023	2.80	Khá	
37	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.12	Trung bình	
38	2213360324	Trần Thị Cẩm	Xuyên	19/07/1996	Nữ	Tiền Giang	02DD14D1	Điều dưỡng	2021-2023	2.73	Khá	
39	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DD13C1	Điều dưỡng	2020-2023	2.29	Trung bình	
40	1213240031	Lê Trần Hoài	Anh	14/07/1989	Nam	Tây Ninh	01YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.25	Giỏi	
41	1213360127	Nguyễn Thị Hà	Anh	19/3/2006	Nữ	Kiên Giang	01YS14C1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.02	Khá	
42	2213360089	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/01/1989	Nữ	Tiền Giang	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.09	Khá	
43	2213240068	Trương Thị Ngọc	Ánh	29/10/2000	Nữ	Khánh Hòa	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.47	Trung bình	
44	2203240146	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	15/11/1988	Nữ	Long An	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.28	Giỏi	
45	2213240192	Trần Thị Kim	Cương	20/08/2003	Nữ	Bình Định	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.60	Giỏi	
46	2203240185	Ngô Thị Thu	Dung	16/01/2001	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	02YS13A1	Y sỹ	2020-2022	2.47	Trung Bình	
47	2213180032	Nguyễn Thị Thùy	Dung	03/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.78	Khá	
48	2213360269	Y Mut	Êban	04/06/1991	Nam	Đắk Lắk	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.57	Khá	
49	217180062	Ngô Thị Cẩm	Giang	02/05/1995	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	02YS10A1	Y sỹ	2017-2019	2.76	Khá	
50	2213360303	Cao Thanh	Hải	03/07/1990	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.65	Khá	
51	2203360219	Trương Gia	Hân	12/09/2005	Nữ	Bình Dương	02YS13C1	Y sỹ	2020-2023	2.68	Khá	
52	2213240028	Trần Phúc	Hậu	13/02/1996	Nam	Tiền Giang	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.44	Giỏi	
53	2213240062	Trần Văn	Hậu	26/06/2001	Nam	Tiền Giang	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.05	Khá	
54	2213240125	Nguyễn Thảo	Hiền	13/01/2003	Nam	Tây Ninh	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.41	Giỏi	
55	2203360136	Lý Phát	Hung	28/08/1984	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.47	Trung bình	
56	2213240148	Đặng Tiến	Khoa	09/02/2003	Nam	Bình Định	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.13	Khá	
57	2203180107	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/03/1982	Nữ	Quảng Nam	02YS13B2	Y sỹ	2020-2022	2.87	Khá	
58	2213180033	Phạm Thị Thùy	Linh	05/04/1980	Nữ	Đồng Nai	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.43	Trung bình	
59	2213240186	Đỗ Tiến	Lực	27/09/2003	Nam	Lâm Đồng	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.09	Khá	
60	2203240177	Nguyễn Duy	Minh	08/10/2002	Nam	Bình Định	02YS13A1	Y sỹ	2020-2022	2.77	Khá	
61	2213240089	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07/11/2002	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.69	Khá	
62	1213360081	Đặng Khánh	Như	27/8/2006	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01YS14C1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.98	Khá	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Niên khóa	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										Thang điểm 4		
63	1203360181	Huỳnh Thị Khánh	Nhung	16/08/1992	Nữ	Long An	01YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.54	Giỏi	
64	2213360039	Trần Minh	Quân	21/10/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	02YS14C1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.71	Khá	
65	1213180015	Trần Thị Thu	Quyên	20/11/1986	Nữ	Tây Ninh	01YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.31	Giỏi	
66	2213240190	Nay	Suna	24/05/1993	Nữ	Gia Lai	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.06	Khá	
67	2203240116	Ngô Ngọc	Thắng	25/02/1999	Nam	Đắk Lắk	02YS13A1	Y sỹ	2020-2022	2.92	Khá	
68	2213180017	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	23/10/1980	Nữ	Long An	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.68	Khá	
69	2213360327	Võ Duy	Thoại	22/06/1995	Nam	Bình Định	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.61	Khá	
70	2213180013	Nguyễn Văn	Thuận	20/06/1997	Nam	Bình Định	02YS14B1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	2.88	Khá	
71	2213360057	Lê Thị	Thủy	10/10/1999	Nữ	Đắk Lắk	02YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.20	Giỏi	
72	1193240073	Nguyễn Phạm Thủy	Tiên	22/10/2001	Nữ	Tây Ninh	02YS12A1	Y sỹ	2019-2021	2.44	Trung bình	
73	2213240187	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	08/04/2003	Nữ	Long An	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.09	Khá	
74	2213240170	Trần Thị Kim	Tiến	28/08/2003	Nữ	Bình Định	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.09	Khá	
75	2203240230	Đỗ Thị	Trang	03/09/2002	Nữ	Gia Lai	02YS13A2	Y sỹ	2020-2022	2.10	Trung Bình	
76	2213240123	Đặng Thị Huyền	Trang	23/04/2003	Nữ	Bình Phước	02YS14A1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.12	Khá	
77	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/2/1982	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01YS14D1	Y sỹ đa khoa	2021-2023	3.35	Giỏi	
78	1213240054	Trần Văn	An	08/01/2003	Nam	Tây Ninh	01DS14A1	Dược	2021-2023	3.42	Giỏi	
79	2213180023	Ngô Hồng Ngọc	Anh	26/05/1997	Nữ	Tiền Giang	02DS14B1	Dược	2021-2023	2.99	Khá	
80	2213360232	Lê Thủy	Diệu	08/9/2006	Nữ	Nghệ An	02DS14C1	Dược	2021-2023	3.19	Khá	
81	2213240191	Nghiêm Bảo	Duy	30/8/1991	Nam	An Giang	02DS14B1	Dược	2021-2023	3.76	Xuất sắc	
82	2213360046	Trần Tấn	Hào	08/04/2000	Nam	Sóc Trăng	02DS14D1	Dược	2021-2023	3.10	Khá	
83	2213240198	Lê Thái	Hòa	22/02/1996	Nam	Đắk Lắk	02DS14B1	Dược	2021-2023	3.19	Khá	
84	2213360157	Trần Thị Thu	Hoài	26/07/1993	Nữ	Nghệ An	02DS14C1	Dược	2021-2023	2.68	Khá	
85	1832420473	Nguyễn Thị	Hồng	11/08/1991	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	02DS12B1	Dược	2019-2021	2.75	Khá	
86	2203360027	Đặng Thị	Huyền	29/10/1995	Nữ	Đồng Nai	02DS14C1	Dược	2021-2023	3.64	Xuất sắc	
87	1213360013	Đinh Thị Thiên	Kim	23/05/1994	Nữ	Long An	01DS14D1	Dược	2021-2023	3.42	Giỏi	
88	2203360142	Kiều Thùy	Linh	30/04/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS13C1	Dược	2020-2023	2.58	Khá	
89	2203360191	Lê Thị Ngọc	Linh	09/08/2005	Nữ	Long An	02DS13C2	Dược	2020-2023	2.45	Trung bình	
90	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/05/2005	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS13C1	Dược	2020-2023	2.59	Khá	
91	2193180010	Trịnh Văn	Luân	27/10/1986	Nam	Quảng Ninh	02DS12A1	Dược	2019-2021	2.76	Khá	
92	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	Nữ	Bình Dương	02DS13C2	Dược	2020-2023	2.58	Khá	
93	2213240164	Trịnh Thị	Như	23/8/1996	Nữ	Đắk Lắk	02DS14A1	Dược	2021-2023	3.57	Giỏi	
94	2213180038	Tạ Tiến	Phát	29/06/1993	Nam	Tây Ninh	02DS14B1	Dược	2021-2023	2.94	Khá	
95	2213180066	Trần Đức	Phúc	09/10/1972	Nữ	Bến Tre	02DS14B1	Dược	2021-2023	3.27	Giỏi	

STT	Mã số học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Mã lớp	Ngành học	Niên khóa	Điểm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú	
									Thang điểm 4			
96	1213360062	Nguyễn Thanh Tú	Quyên	15/10/2006	Nữ	Đồng Tháp	01DS14C1	Dược	2021-2023	3.44	Giỏi	
97	1213360108	Nguyễn Đoàn Hòa	Thịnh	14/9/2006	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	01DS14C1	Dược	2021-2023	2.17	Trung bình	
98	2213360178	Lê Thị	Thương	10/12/1998	Nữ	Đắk Lắk	02DS14C1	Dược	2021-2023	3.11	Khá	
99	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/04/2005	Nữ	Bình Dương	02DS13C2	Dược	2020-2023	3.03	Khá	
100	1213180024	Nguyễn Thị Mai	Trâm	10/02/1986	Nữ	Quảng Ngãi	01DS14A1	Dược	2021-2023	2.87	Khá	
101	2213360105	Nguyễn Nguyễn Tuấn Tú		29/08/2006	Nam	Hải Phòng	02DS14C1	Dược	2021-2023	2.41	Trung bình	
102	2213240195	Chiêm Thanh	Tuyền	03/3/1997	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS14A1	Dược	2021-2023	3.28	Giỏi	
103	2203360115	Trần Võ Hạnh	Vân	23/10/2005	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	02DS13C1	Dược	2020-2023	2.96	Khá	
104	2213360054	Nguyễn Hải	Vân	31/10/2003	Nữ	Bạc Liêu	02DS14C1	Dược	2021-2023	3.47	Giỏi	
105	1213240051	Trần Thị Hoàng Thúy Vy		2/9/2003	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	01DS14A1	Dược	2021-2023	3.03	Khá	
106	1213360039	Từ Anh Mỹ	Ý	29/04/2006	Nữ	Tiền Giang	01DS14C1	Dược	2021-2023	3.37	Giỏi	

Danh sách có: 106 học sinh.

Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2023
 PHÒNG ĐÀO TẠO